

BẢN TÓM LƯỢC 24 DUYÊN CHÍNH TRONG ĐẠI PHÁT THỨ

01	Nhân Duyên		01			Danh Vật Thực Duyên	24
02	Cảnh Duyên		02	16	Quyền Duyên	Câu Sinh Quyền Duyên	25
03	Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng Duyên	03			Tiền Sinh Quyền Duyên	26
		Câu Sinh Trưởng Duyên	04			Sắc Mạng Quyền Duyên	27
		Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng	05	17	Thiền Na Duyên		28
				18	Đồ Đạo Duyên		29
04	Vô Giác Duyên		06				
05	Đẳng Vô Giác Duyên		06*	19	Tương Ứng Duyên		30
06	Câu Sinh Duyên		07	20	Bất Tương Ứng Duyên	Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	31
07	Hỗ Tương Duyên		08			Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	32
08	Y Chỉ Duyên	Câu Sinh Y Duyên	09			Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	33
		Vật Tiền Sinh Y Duyên	10			Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	34
		Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	11	21	Hiện Hữu Duyên	Câu Sinh Hiện Hữu Duyên	35
						Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	36
09	Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên	12			Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	37
		Vô Giác Cận Y Duyên	13			Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên	38
		Thường Cận Y Duyên	14			Vật Thực Hiện Hữu Duyên	39
10	Tiền Sinh Duyên	Vật Tiền Sinh Duyên	15			Quyền Hiện Hữu Duyên	40
		Cảnh Tiền Sinh Duyên	16	22	Vô Hữu Duyên		41
11	Hậu Sinh Duyên		17	23	Ly Khứ Duyên		42
12	Trùng Dục Duyên		18	24	Bất Ly Duyên	Câu Sinh Bất Ly Duyên	43
13	Nghiệp Duyên	Câu Sinh Nghiệp Duyên	19			Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên	44
		Dị Thời Nghiệp Duyên	20			Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	45
		Vô Giác Nghiệp Duyên	21			Hậu Sinh Bất Ly Duyên	46
						Vật Thực Bất Ly Duyên	47
14	Dị Thực Quả Duyên		22			Quyền Bất Ly Duyên	48
15	Vật Thực Duyên	Sắc Vật Thực Duyên	23				

BẢN TÓM LƯỢC 27 DUYÊN HỌC TRONG BẢN ĐỒ ĐẠI PHÁT THỨ

01	Nhân Duyên	Hetupaccayo
02	Cảnh Duyên	Ārammanapaccayo
03	Cảnh Trướng Duyên	Ārammanadhipatipaccayo
04	Câu Sinh Trướng Duyên	Sahajātadhipatipaccayo
05	Vật Cảnh Tiền Sinh Trướng Duyên	Vatthārammanapurejātadhipatipaccayo
06	Vô Giác Duyên (Đẳng Vô Giác Duyên)	Anantara-paccayo
07	Câu Sinh Duyên	Sahajāta-paccayo
08	Hỗ Tương Duyên	Annamanna-paccayo
09	Vật Tiền Sinh Y Duyên	Vatthupurejātānissaya-paccayo
10	Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	Vatthārammanapurejātānissaya-paccayo
11	Thường Cận Y Duyên	Pakatūpanissaya-paccayo
12	Cảnh Tiền Sinh Duyên	Ārammanapurejāta-paccayo
13	Hậu Sinh Duyên	Pacchājāta-paccayo
14	Trùng Dụng Duyên	Āsevana-paccayo
15	Câu Sinh Nghiệp Duyên	Sahajātakamma-paccayo
16	Dị Thời Nghiệp Duyên	Nānakamma-paccayo
17	Vô Giác Nghiệp Duyên	Anantarakamma-paccayo
18	Dị Thực Quả Duyên	Vipāka-paccayo
19	Sắc Vật Thực Duyên	Rūpāhara-paccayo
20	Danh Vật Thực Duyên	Nāmāhāra-paccayo
21	Câu Sinh Quyền Duyên	Sahajātindriya-paccayo
22	Tiền Sinh Quyền Duyên	Purejātindriya-paccayo
23	Sắc Mạng Quyền Duyên	Rūpindriya-paccayo
24	Thiền Na Duyên	Jhāna-paccayo
25	Đồ Đạo Duyên	Magga-paccayo
26	Tương Ứng Duyên	Sampayutta-paccayo
27	Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	Sahajātavippayutta-paccayo

26. TƯƠNG ƯNG HIỆP LỰC (Sampayuttapaccayo Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		CÂU # 1	
			Thiện - Thiện	
Năng Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	
Sở Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	
TƯƠNG ƯNG DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở	121 Tâm, 52 Tâm Sở	37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"
5. Hổ Tương	"	"	"	"
6. Nhân Duyên	6 Nhân	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si)	3 Nhân Thiện	"
7. Câu Sinh Trưởng	4 Trưởng	84 Tâm Hữu Trưởng 51 Tâm Sở (- Hoài Nghi)	4 Trưởng Thiện	"
8. Câu Sinh Nghiệp	Tâm Sở TU	121 Tâm, 51 Tâm Sở (- TU)	Tâm Sở TU hợp Tâm Thiện	"
9. Danh Vật Thực	Danh Vật Thực	121 Tâm, 52 Tâm Sở	3 Danh Vật Thực Thiện	"
10. Câu Sinh Quyền	8 Danh Quyền	121 Tâm, 52 Tâm Sở	8 Danh Quyền Thiện	"
11. Thiền Na	7 Chi Thiền	111 Tâm (- 5 Song Thức) 52 Tâm Sở	6 Chi Thiền Thiện	"
12. Đồ Đạo Duyên	9 Chi Đạo	103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở	8 Chi Đạo Thiện	"
13. Dị Thực Quả	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở		
Cộng Duyên Hiệp Lực	13		12	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

26A. TƯƠNG ƯNG HIỆP LỰC (Sampayutta Paccayo Ghatanā)	CÂU # 2		CÂU # 3	
	Bất Thiện - Bất Thiện		Vô Ký - Vô Ký	
Năng Duyên	12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở		72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở	
Sở Duyên	12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở		72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở	
TƯƠNG ƯNG DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở	12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"
5. Hổ Tương	"	"	"	"
6. Nhân Duyên	3 Nhân Bất Thiện	"	3 Nhân Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở
7. Câu Sinh Trưởng	3 Trưởng Bất Thiện (- Trí)	"	4 Trưởng Vô Ký	37 Tâm Vô Ký Hữu Trưởng 38 Tâm Sở
8. Câu Sinh Nghiệp	Tâm Sở TỰ hợp Tâm Bất Thiện	"	Tâm Sở TỰ hợp 72 Tâm Vô Ký	72 Tâm Vô Ký, 37 Tâm Sở (- Tự)
9. Danh Vật Thực	3 Danh Vật Thực Bất Thiện	"	3 Danh Vật Thực Vô Ký	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở
10. Câu Sinh Quyền	5 Danh Quyền Bất Thiện	"	3 Danh Quyền Vô Ký	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở
11. Thiền Na	7 Chi Thiền Bất Thiện	"	6 Chi Thiền Vô Ký	62 Tâm Vô Ký (- 5 Song Thức) 38 Tâm Sở
12. Đồ Đạo Duyên	4 Chi Đạo Bất Thiện	"	8 Chi Đạo Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở
13. Dị Thực Quả			52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở
Cộng Duyên Hiệp Lực	12		13	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhựt		Tái Tục - Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

26B. TƯƠNG ƯNG TÁU HỢP (Sampayutta Paccayo Sabhāga)	CÂU SINH TÁU HỢP	
	VÔ DỊ THỰC	HỮU DỊ THỰC
Năng Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở
Sở Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở
Mãnh Lực Duyên	6	7
1. Tương Ưng	T. Ư.	T. Ư.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hổ Tương	H. T.	H. T.
7. Dị Thực Quả		D. T. Q.
	Thiện - Thiện Bất Thiện - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	3	1

27. CÂU SINH BẤT TƯƠNG ỨNG HIỆP LỰC (Sahajātavippayutta Paccayo Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		HIỆP LỰC 1		HIỆP LỰC 2		HIỆP LỰC 3	
			Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký	
Năng Duyên	117 Tâm (- 4 Quả Vô Sắc) 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục		37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở		68 Tâm Vô Ký (- 4 Quả Vô Sắc) 38 Tâm Sở	
Sở Duyên	15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục		17 Sắc Tâm Thiện		17 Sắc Tâm Bất Thiện		17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	
CÂU SINH BẤT TƯƠNG ỨNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng D.	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	107 Tâm 52 Tâm Sở (- 5 Song Thức, 4 Quả Vô Sắc)	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở	17 Sắc Tâm Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	17 Sắc Tâm Bất Thiện	68 Tâm Vô Ký 52 Tâm Sở (- 4 Quả Vô Sắc)	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục
2. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"	"	"
5. Hỗ Tương	Ý Vật Tái Tục	15 Tâm Tái T. Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở					Ý Vật Tái Tục	15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở
6. Dị Thục Quả	38 Tâm Quả 38 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục					38 Tâm Quả 38 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
Cộng Duyên Hiệp Lực	6		4		4		6	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt		Tái Tục - Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

27A. CÂU SINH BẤT TƯƠNG ƯNG TÁU HỢP (Sahajātavippayutta Paccayo Sabhāga)	CÂU SINH TÁU HỢP có 4 Cách			
	VÔ DỊ THỰC có 2 Cách		HỮU DỊ THỰC có 2 Cách	
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương
Năng Duyên	107 Tâm 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	Ý Vật Tái Tục	38 Quả (- 5 Song Thức, 4 Quả Vô Sắc) 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở
Sở Duyên	17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục 15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở	15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục 15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở	Ý Vật Tái Tục
Mãnh Lực Duyên	5	6	6	7
1. C S Bất Tương Ưng	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương		H. T.		H. T.
7. Dị Thực Quả			D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	3	1	1	1

Ý NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT TRONG BẢN ĐỒ CHI PHÁP CỦA GIỐNG CÂU SANH (TIỂU PHẦN)

1. *Sāmañña: Sāmaññaghatanā* = Phổ Thông Hiệp Lực
2. *Viri: Viriya* = Tinh Tấn
3. *Sati: Sati* = Niệm
4. *E: Ekaggata* = Nhất Thống
5. *Pa: Pannā* = Tuệ
6. *Ve: Vedanā* = Thọ
7. *Vitaka: Vitakka* = Tầm
8. *Ceta: Cetanā* = Tư
9. *Vin: Viññāna* = Thức
10. *Chandādhi: Chandādhpati* = Dục Trưởng
11. *Cittādhi: Cittādhpati* = Tâm Trưởng
12. *Viriyādhi: Viriyādhpati* = Cần Trưởng
13. *Amoha: Amoha* = Vô Si
14. *Vimañsādhi: Vimañsādhpati* = Thâm Trưởng
15. *He: Hetupaccaya* = Nhân Duyên
16. *Dhi: Adhipatipaccaya* = Trưởng Duyên
17. *Kaṃ: Kammapaccaya* = Nghiệp Duyên
18. *Hā: Āhārapaccaya* = Vật Thực Duyên
19. *In: Indriyapaccaya* = Quyền Lực Duyên
20. *Jhā: Jhānapaccaya* = Thiền Na Duyên
21. *Mag: Maggapaccaya* = Đồ Đạo Duyên

* * * * *

BẢN ĐỒ CÂU SANH HIỆP LỰC - TIỂU PHẦN 255

SAHAJĀTAGHA-TANĀ	HE	DHI	KAM	HĀ	IN	JHĀ	MAG	TẬP HỢP	SAB	SAAN	SA-A SAM	SA-VIP	SAB	SAAN	SA-A SAM	SAVIP	AM VIP
1. SĀMAÑÑA	9			9	9	9	9	45	5-7	6-3	7-3	6-3	6-1	7-1	8-1	7-1	8-1
2. VIRI, SATI, E, PA					9		9	18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
3. VE, E					9	9		18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
4. VITAK, E						9	9	18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
5. E					9	9	9	27	7-7	8-3	9-3	8-3	8-1	9-1	10-1	9-1	10-1
6. CETANĀ			9	9				18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
7. VIÑÑANA				9	9			18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
8. CHANDĀDHI		6						6	5-7		7-3	6-3	6-1		8-1	7-1	
9. CITTĀDHI		6		6	6			18	7-7		9-3	8-3	8-1		10-1	9-1	
10. VIRIYĀDHI		6			6		6	18	7-7		9-3	8-3	8-1		10-1	9-1	
11. AMOHA	9				9		9	27	7-4	8-2	9-2	8-2	8-1	9-1	10-1	9-1	10-1
12. VIMAÑSĀDHI	6	6			6		6	24	8-4		10-2	9-2	9-1		11-1	10-1	
TẬP HỢP HIỆP LỰC	24	24	9	33	72	36	57	255	AVIPĀKAGHATANĀ				SAVIPĀKAGHATANĀ				

**TỔNG HỢP CHI PHÁP CỦA GIỐNG CÂU SANH
(SAHAJĀTAJĀTI – TIỂU PHẦN)**

1. - 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục (Nhân Duyên (trừ Tâm Sở Si trong 2 Tâm căn Si), Đồ Đạo Duyên).
 - 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục (Vật Thực Duyên, Quyền Duyên).
 - 79 Tâm (trừ 10 Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục (Thiền Na Duyên).
2. - 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
3. - 79 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
4. - 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
5. - 70 Tâm Hữu Nhân (trừ 1 Tâm Si Hoài Nghi), 50 tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
6. - 89 Tâm, 51 Tâm Sở (trừ Tư), 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
7. - 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
8. - 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm.
9. - 51 Tâm Sở, 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 17 Sắc Tâm.
- 10.- 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm.
- 11.- 47 Tâm Tam Nhân, 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
- 12.- 34 Tâm Đồng Lực Tam Nhân, 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm.

BẢN ĐỒ CÂU SANH HIỆP LỰC THƯỢNG – TRUNG 57

	SAB	AÑ	AÑ SAM	VIP	AÑ VIP	SAB	AÑ	AÑ SAM	VIP	AÑ VIP	TẬP HỢP
1. SAHAJĀTA	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	10
2. SAHAJĀTANISSAYA	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	10
3. SAHAJĀTATTHI	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	10
4. SAHAJĀTAAVIGATA	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	10
5. AÑÑAMAÑÑA		○	○		○		○	○		○	6
6. SAMPAYUTTA			○					○			2
7. VIPPAYUTTA				○	○				○	○	4
8. VIPĀKA						○	○	○	○	○	5
GHATANĀ	4	5	6	5	6	5	6	7	6	7	57
SANKHAYĀVĀRA	9	3	3	3	1	1	1	1	1	1	
	AVIPĀKA 4					SAVIPĀKA 5					

**TỔNG HỢP CHI PHÁP CỦA THUẦN LINH TINH HIỆP LỰC
(SUDDHAPAKINNAKAGHATANĀ)**

1. Hậu Sanh = 89 Tâm, 52 Tâm Sở → 28 Sắc Trung Thọ từ Nhất Thân (*Ekajakāya*) cho đến Tứ Thân (*Catujakāya*).
2. Tiền Sinh = Cảnh Tiền Sinh, Vật Tiền Sinh.
3. Vật Tiền Sinh = Lục Sắc Vật → 85 Tâm, 52 Tâm Sở.
4. Tiền Sinh Quyền = Ngũ Sắc Quyền Thanh Triệt → 10 Tâm Ngũ Song Thức, 7 Tâm Sở Biến Hành.
5. Cảnh Trường = 18 Sắc Thành Tụ, 84 Tâm, 47 Tâm Sở, Níp Bàn → 28 Tâm, 45 Tâm Sở.
6. Cảnh Tiền Sinh = 18 Sắc Thành Tụ → 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở.
7. Cảnh Tiền Sinh Trường = 18 Sắc Thành Tụ → 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở.
8. Vật Cảnh Tiền Sinh = 1 Ý Vật Cận Tử → 43 Tâm, 44 Tâm Sở.
9. Vật Cảnh Tiền Sinh Trường = 1 Ý Vật Cận Tử Duyệt Ý → 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở.
10. Vô Giác = 89 Tâm, 52 Tâm Sở → 89 Tâm, 52 Tâm Sở.
11. Trùng Dục = 47 Tâm Đồng Lực Hiệp Thế, 52 Tâm Sở → 51 Tâm Đồng Lực (trừ 4 Tâm Quả Siêu Thế), 52 Tâm Sở.
12. Dị Thời Nghiệp = 33 Tư Thiện và Bất Thiện → 36 Tâm Dị Thục Quả, 38 Tâm Sở.
13. Vô Giác Nghiệp = 4 Tư Đạo → 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở.

BẢN ĐỒ THUẦN LINH TINH HIỆP LỰC 64

SUDDHAPAKINNAKA – GHATANĀ 64		CHĀ	IN	Ā	ID	NIS	UPA	PU	VIP	AT, AVI	NAM, SAN- AM	NAT, VIGA	SE	KAM	VĀRA
1. PACCHĀ 2. PU = Ā. PU, VAT.PU 3. VAT. PU 4. PU. IN	4														3
	3														3
	5														3
	6														1
5. Ā. DHI 6. Ā. PU 7. ĀPU. DHI 8. VATTHĀ 9. VATTHĀ. DHI	3														7
	4														1
	6														1
	6														3
	8														1
10.ANANTARA 11.ĀSEVANA 12.NĀNAKKHANIKA 13.ANANTARAKAMMA	5														7
	6														3
	2														2
	6														1
TẬP HỢP HIỆP LỰC		1	1	5	3	4	7	7	5	8	3	3	1	2	64

Ý NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT TRONG BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

1. **Bha:** *Bhavangacitta* = Tâm Hữu Phần
2. **Ti:** *Aññatabhavanga* = Hữu Phần Quá Khứ
3. **Na:** *Bhavangacalana* = Hữu Phần Rúng Động
4. **Da:** *Bhavangupaccheda* = Hữu Phần Dứt Dòng
5. **Pa:** *Pancadvārāvajjana* = Khai Ngũ Môn
6. **Ca:** *Cakkhuvinnāna* = Nhãn Thức
7. **So:** *Sotavinnānana* = Nhĩ Thức
8. **Ghā:** *Ghānavinnāna* = Tỷ Thức
9. **Jī:** *Jīvhāvinna* = Thiệt Thức
10. **Kā:** *Kāyavinnāna* = Thân Thức
11. **Sam:** *Sampaticchanna* = Tiếp Thâu
12. **Na:** *Santīrana* = Thâm Tấn
13. **Vu:** *Votthabbana* = Đoán Định
14. **Ja:** *Javana* = Đồng Lực
15. **Ā:** *Āgantukabhavanga* = Hữu Phần Khách

16. **Ma:** *Manodvārāvajjana* = Khai Ý Môn
17. **Pa:** *Parikamma* = Chuẩn Bị
18. **U:** *Upacāra* = Cận Hành
19. **Nu:** *Anuloma* = Thuận Tòng
20. **Go:** *Gotrabhū* = Chuyển Tộc
21. **Vo:** *Vodāna* = Dũ Tịnh
22. **Jha:** *Jhāna* = Thiền Na
23. **Bhi:** *Abhinna* = Thắng Trí (Thần Thông)
24. **Mag:** *Magga* = Đạo
25. **Pha:** *Phala* = Quả
26. **Ṭi:** *Patisandhi* = Tái Tục
27. **Cu:** *Cuti* = Tử
28. **X:** không có cái chi sanh tiếp nối
29. **Pañ:** *Pancavinnāna* = Ngũ Thức

Ghi chú: - Ngay tại sát na Tâm Ngũ Thức, Tâm Tái Tục và Tâm Tử của bậc Vô Sinh đang sanh khởi thì Sắc Tâm không sanh.

- Vào ngay sát na Tái Tục, ở trong khoảng 14 ngày thì Sắc Vật Thực vẫn chưa có sanh khởi.
- Ngay tại sát na Thiền Diệt thì Sắc Tâm không sanh.

BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

Sắc Vật Thực→	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	
Sắc Tâm→	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	
Sắc Quý Tiết→	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	
Sắc Nghiệp→	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	
Tâm và Tâm Sở→	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	○○○○○	
Lộ Trình Nhân Môn	Bha	Tī	Na	Da	Pa	Ca	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Cảnh Cực Cự Đại Thời Kỳ Na cảnh
LT Nhĩ Môn	Bha	Tī	Na	Da	Pa	So	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	"
LT Tỷ Môn	Bha	Tī	Na	Da	Pa	Ghā	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	"
LT Thiệt Môn	Bha	Tī	Na	Da	Pa	Ji	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	"
LT Thân Môn	Bha	Tī	Na	Da	Pa	Kā	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	"
LT Ngũ Môn	Bha	Tī	Na	Da	Pa	Pañ	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Cảnh Cực Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực
LT Ngũ Môn có Hữu Phần Khách	Bha	Tī	Na	Da	Pa	Pañ	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ā	Bha	Bha	"
LT Ngũ Môn	Bha	Tī	Tī	Na	Da	Pa	Pañ	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Cảnh Cự Đại Thứ Nhứt
LT Ngũ Môn có Hữu Phần Khách	Bha	Tī	Tī	Na	Da	Pa	Pañ	Saṃ	Ṇa	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ā	Bha	"

BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

LT Ngũ Môn	Bha	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Na	Da	Pa	Pañ	Saṃ	Na	Vu	Vu	Vu	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Cảnh Hy Thiểu Thứ Nhứt Thời Kỳ Đoán Định
LT Ngũ Môn	Bha	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Tĩ	Na	Na	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Cảnh Cực Hy Thiểu Thời Kỳ Vô Hiệu
LT Cận Tử và Tái Tục LT trong Ngũ Môn	Bha	Tĩ	Na	Da	Pa	Pañ	Saṃ	Na	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Cu	Tĩ	Bha	Cửa Phàm Phu
	Bha 14	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	
LT Ý Môn có Sắc thành tựu Hiện Tại làm Cảnh	Bha	Tĩ	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Cảnh Minh Hiện
LT Ý Môn phần Cảnh Dục (Trừ Sắc thành tựu Hiện Tại)	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	LT Ý Môn Na Tòng Lưu Hành , Thu Dung Quá Khứ , Thu Dung Tập Thành
LT Ý Môn có Đáo Đại Siêu Thế và Chế Định làm Cảnh	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	LT Ý Môn Na Tòng Lưu Hành , TD Ý Nghĩa , TD Danh Xưng và Cảnh Bất Minh Hiện
Sát Na đang ngủ	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Cửa Phàm Phu và Thánh Quả
LT Ý Môn Vô Kỷ Chiêm Bao (không rõ biết)	Bha	Na	Da	Ma	Ma	Ma	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Cửa Phàm Phu, Thất Lai & Nhất Lai (Trừ Bất Lai , Vô Sinh , Chư Thiên và Phạm Thiên)
LT Ý Môn Chiêm Bao (được rõ biết)	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	

BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

LT Chuẩn Bị, Thiền Quán và Phản Kháng	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Cảnh Minh Hiện
LT Phản Kháng	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Phản Kháng Đạo, Quả, Niết Bàn và Chi Thiền
LT Sơ Khởi Thiền	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Sát Na Đắc Thiền lần Đầu
LT Nhập Thiền Định và Thiền Cơ Bản	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	(Tâm Thiền liên tục)				Jha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Sơ Khởi Thiền dùng trước khi sẽ hiện bày Thắng Trí
LT Thắng Trí	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Bhi	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Đối với phần đông người đã đắc Bát Định
LT Đạo Thất Lai	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Mag	Pha	Pha	Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Đối với Người Độn Căn, còn Người Lợi Căn không cần Chuẩn Bị
LT Đạo Bậc Trên	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Vo	Mag	Pha	Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	"
LT Nhập Thiền Quả	Bha	Na	Da	Ma	Nu	Nu	Nu	Nu	Pha	(Tâm Quả Liên Tục)				Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Đối với tất cả Bậc Thánh Nhân
LT Nhập Thiền Diệt	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	Jha	(Tâm, Tâm Sở và Sắc Tâm diệt)				Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bất Lai và Vô Sinh đắc Bát Định
LT Đăng Liên Thiền của Bậc Vô Sinh	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	Jha	(Tâm Thiền Liên Tục)				Jha	Jha	Cu			Bậc Vô Sinh Nhập Thiền rồi Từ

BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

LT Đẳng Liên Phản Kháng của Bậc Vô Sinh	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	(Tâm Thiền Liên Tục)					Jha	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Bậc Vô Sinh Nhập Thiền rồi Phản Kháng Chi Thiền rồi Tử
	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Cu					
LT Đẳng Liên Thắng Trí của Bậc Vô Sinh	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Bhi	Cu										Bậc Vô Sinh vào Thắng Trí rồi Tử	
LT Đặc Đạo Tốt Mạng của Bậc Vô Sinh	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Vo	Mag	Pha	Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Bậc Vô Sinh khi Tâm Đạo, Quả sinh khởi rồi Phản Kháng Đạo, Quả, Niết Bàn trọn vẹn rồi Tử	
	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Cu			
LT Viên Tịch Niết Bàn	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Cu										LT Cận Tử thông thường của Bậc Vô Sinh	
LT Cận Tử Ý Môn	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Cu	Ti	Bha	Bha 14	Bha	Ja	Ja 5	Ja	LT Cận Tử của Phạm Phu và Quả Hữu Học	

Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Ti	Na	Da	Pa	Pañ	Sam	Na	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	----	----	----	----	-----	-----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

37 Nọa Độn Thọ Thanh Triệt

11 Phi Nọa Độn Thọ Thanh Triệt

1 Trung Thọ Thanh Triệt

BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM



9 Giống (Jāti)								25 DUYÊN TRÙNG 27 DUYÊN HỌC				Cách Tầu Hợp (Sabhāga)				
												Câu Hiệp Lực (Ghaṭanā)			Câu Sinh (Sahajāta)	
												Hồn Hợp (Missaka)		Linh Tinh (Pakiṇṇaka)	Câu Sinh (Sahajāta)	
Thường Cận Y (Pakatūpanissaya)	Dị Thời Nghiệp (Nānakkaṇṇikakamma)	Sắc Mạng Quyền (Rūpajīvitindriya)	Sắc Vật Thực (Āhārajāti)	Hậu Sinh (Pacchājātajāti)	Vật Tiền Sinh (Vatthupurejātajāti)	Vô Gián (Anantarajāti)	Cảnh (Arammajāti)	Câu Sinh (Sahajātajāti)	15	12	7	6	4	3	1	
1	1	3	3	4	6	7	12	1	1	2	7	6	4	3	1	
							X	1	1	2	7	6	4	3	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	
							X	1	2	7	6	4	3	1	1	

Kinh sách đã được in ấn và phát hành:

- * ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
- * NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
- * CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỰ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP I (1000 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP I (500 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- * KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
- * KINH KIẾT TƯỜNG - TÁI BẢN (300 QUYỂN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I (300 QUYỂN)
- * KINH ĐẠI PHÁT THỨ (TRỌN BỘ: TẬP I - TẬP V, 200 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ III) (300 QUYỂN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP II (200 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ III) (300 QUYỂN)
- * AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO WEBU (300 QUYỂN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT TẬP I - GIẢI MINH (300 QUYỂN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP III (200 QUYỂN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP II (300 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP II (300 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP III (300 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (300 QUYỂN)

